TOÀ ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **47** /2018/ HNGĐ-ST
Ngày 27/7/2018
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân, ông Hoàng Văn Quyền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại viện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang.

Trong ngày 27/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 99/2018/QĐ-HNGĐ ngày 12/7/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Văn C, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Dương Văn C trình bày: Anh và chị Phạm Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2003 tại UBND xã B. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị T về làm dâu nhà anh tại thôn A, xã B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, không quan tâm đến chồng con. Tháng 9/ 2013 chị T tự ý bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Tuấn Th, sinh ngày 09/7/2005. Hiện nay con chung đang ở với anh. Ly hôn anh xin được nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị T đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy báo; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Nhưng chị T không có văn bản trả lời đối với các yêu cầu của anh C và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Dương Tuấn Th là con của anh C, chị T có ý kiến: Hiện nay bố mẹ cháu không sống cùng nhau, nay bố mẹ cháu ly hôn cháu không có ý kiến, nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với bố cháu.

Tại biên bản xác minh ở địa phương nơi chị T sinh sống xác định: Chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Chị T thường đi làm tối mới về nhà. Vợ chồng chị T, anh C mâu thuẫn và không ở cùng với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Hiện nay chị T đang chung sống cùng với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963 trú tại: thôn A, xã B.

Tại biên bản xác minh mẹ đẻ chị T là bà Nguyễn Thị L cho biết: Chị T có đi xuất khẩu lao động từ năm 2010 cho đến tháng 7/2017 thì hết hợp đồng về nước sinh sống. Nhưng khi về nước chị T không về ở cùng anh C mà về ở với bà do vợ chồng chị T, anh C mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều rồi thường xuyên về chửi bới chị T. Bà đã thông báo cho chị T biết về việc thụ lý vụ án và các văn bản, giấy tờ của Tòa án gửi cho chị T. Chị T có nói lại với bà là đồng ý ly hôn với anh C và do bận công việc nên không đến Tòa án làm việc theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình

Về yêu cầu xin ly hôn của anh C: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh C được ly hôn với chị T.

Về con chung: Giao cho anh Dương Văn C nuôi con chung của vợ chồng là Dương Tuấn Th, sinh ngày 09/7/2005.

Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của anh Dương Văn C cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn chị Phạm Thị Thu đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn C và chị Phạm Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2013 tại UBND xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của anh Cương phù hợp với các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương và tại gia đình chị T đều xác định vợ chồng anh C, chị T mâu thuẫn trầm trọng, đã có thời gian dài sống ly thân, không quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc cho nhau. Nay anh C xin ly hôn, tuy chị T không có ý kiến đối với yêu cầu của anh C. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về nhân thân, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, việc này trái với các quy định tại các

điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị T.

[5]. Về con chung: Vợ chồng anh C, chị T có 01 con chung là Dương Tuấn Th, sinh ngày 09/7/2005. Ly hôn anh C xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Chị Tkhông thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của anh C. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Th chung sống cùng anh C kể từ nhỏ cho đến nay. Trong quá trình cháu Th ở với anh Cthì cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện cháu Th đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với anh C. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình có quy định: Nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Hiện nay anh C có chỗ ở, có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, nên để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, đảm bảo điều kiện cháu Th tiếp học tập, cần giao cho anh Dương Văn C tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Dương Tuấn Th, sinh ngày 09/7/2005.

Chị Tcó quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Anh C, chị T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C, chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Anh C, chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn C được ly hôn chị Phạm Thị T.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Dương Văn C tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Dương Tuấn Th, sinh ngày 09/7/2005.

Sau khi ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Anh C, chị T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Dương Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004394 ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà